

Số: 1498/QĐ-UBND

Đồng Hỷ, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
xã Đồng Hỷ giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG HỖ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định 2611/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đồng Hỷ về thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 xã Đồng Hỷ;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 432/TTr-KT ngày 30 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Đồng Hỷ giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Phòng Kinh tế chủ trì hướng dẫn các phòng, đơn vị, các xóm xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030; chủ trì theo dõi, tổng hợp báo cáo giữa kỳ, cuối kỳ kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030.

2. Các phòng, ngành, các đơn vị và các xóm:

a) Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Đồng Hỷ giai đoạn 2026 - 2030:

- Các phòng, ngành, đơn vị thuộc xã xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 hàng năm theo ngành, lĩnh vực phụ trách.

- Các xóm phối hợp, chủ động tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo đúng kế hoạch.

b) Báo cáo giữa kỳ, cuối kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 và báo cáo định kỳ kế hoạch hằng năm, đảm bảo tiến độ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND&HĐND xã; Thủ trưởng các phòng, ngành, đơn vị thuộc xã; Trưởng xóm và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các ông/bà Trưởng xóm;
- Lưu: VT, KT. DvTrung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tùng

KẾ HOẠCH**Phát triển kinh tế - xã hội xã Đồng Hỷ giai đoạn 2026 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 31/12/2025
của UBND xã Đồng Hỷ)

**I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026 - 2030****1. Mục tiêu tổng quát**

Bảo đảm quốc phòng, an ninh; thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng; tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng an toàn, hữu cơ, chuyển đổi số gắn với du lịch làng nghề, cộng đồng; phát triển công nghiệp kết hợp với bảo vệ môi trường thiên nhiên; xây dựng xã Đồng Hỷ phát triển, cơ bản đạt tiêu chuẩn phường vào năm 2030.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

(1) Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm 11%/năm.

(2) Đến năm 2030, sản lượng lương thực có hạt 7.890 tấn; sản lượng chè búp tươi 14.220 tấn.

(3) Diện tích trồng rừng tập trung 250ha, duy trì ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng từ 10% trở lên.

(4) Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) đạt bình quân 13,1%/năm.

(5) Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 4%/năm. Đến năm 2030, tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè đạt 4.939 tỷ đồng.

(6) Đến hết năm 2030 thu nhập bình quân đầu người gấp 1,5 lần so với năm 2025; đạt trên 96 triệu đồng/người/năm.

(7) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%; trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt 40%; Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều 0,15%.

(8) Duy trì và giữ vững xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Đến năm 2030, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn dưới 6,8%; đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.

(9) Củng cố vững chắc và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Duy trì vững chắc phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

Duy trì 100% số trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó phần đầu trên 60% số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

(10) Đến năm 2030, tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại nông thôn 90%.

(11) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%; Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo quy định đạt từ 95% trở lên.

(12) Hằng năm, 95% trở lên số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 90% trở lên xóm đạt danh hiệu xóm văn hóa; 92% trở lên cơ quan đạt chuẩn văn hóa.

(13) 100% tổng số hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*); hạ tầng mạng truy cập băng rộng cố định được đầu tư, nâng cấp đảm bảo 100% người sử dụng có khả năng truy nhập tốc độ trên 1Gb/s; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số, hướng tới phát triển mạng di động tiên tiến thế hệ tiếp theo.

(14) Hằng năm, phần đầu xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ đạt từ 1,93% trở lên so với dân số toàn xã. Thực hiện giáo dục bồi dưỡng quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định đạt tỷ lệ 25,51%.

(15) Đến năm 2030, phần đầu trên địa bàn xã không có ma túy; hàng năm kiểm chế tai nạn giao thông, phần đầu kéo giảm 5% trên cả 3 tiêu chí (*số vụ, số người chết và số người bị thương*).

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh để huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, gia tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Đổi mới mô hình tăng trưởng, trong đó lấy khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo làm động lực phát triển nhanh, bền vững; hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

1.2. Phát triển, làng nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng chuyển đổi xanh; khuyến khích phát triển các loại hình công nghiệp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các ngành nghề sử dụng nhiều lao động; duy trì và phát triển các làng nghề như: Làng nghề chè, làng nghề miến, Hoa Lan...

Thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Minh Tiến và phát triển sản xuất tại cụm công nghiệp, đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ của địa phương trong phát triển khu, cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy hoạch được phê duyệt. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch làm cơ sở thu hút đầu tư các lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng; tập trung huy động các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trọng tâm, trọng điểm, có tầm nhìn dài hạn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

1.3. Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nội ngành nông nghiệp, tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi và cơ cấu ngành dịch vụ trong nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường. Ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm. Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ; tăng tỷ lệ sử dụng giống mới, ứng dụng quy trình sản xuất thâm canh, sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP. Phát triển các sản phẩm OCOP gắn với xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của xã.

Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết 04-NQ/ĐU ngày 10/11/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ xã về phát triển ngành chè xã Đồng Hỷ giai đoạn 2025 - 2030, trong đó tập trung phát triển hệ sinh thái trà, nâng cao giá trị và thương hiệu sản phẩm trà Đồng Hỷ... gắn với phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng.

Phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, chăn nuôi công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng ngừa, kiểm soát dịch bệnh gia súc, gia cầm; tăng cường kiểm dịch động vật, thực vật, đảm bảo an toàn thực phẩm, kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Tiếp tục đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi; thực hiện tốt công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Khuyến khích người dân chuyển sang trồng rừng gỗ lớn, đầu tư các cơ sở chế biến gỗ, phát huy hiệu quả kinh tế. Tranh thủ về tài chính, kỹ thuật của các dự án để xây dựng mô hình quản lý rừng bền vững, đẩy mạnh cấp chứng chỉ rừng FSC nhằm tăng giá trị gỗ rừng trồng, góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế cho người dân sống bằng nghề rừng, ổn định môi trường bền vững.

1.4. Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia

Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia. Phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Huy động các nguồn lực phân đầu xây dựng xã Đồng Hỷ cơ bản đạt tiêu chuẩn phường vào năm 2030.

1.5. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ gắn với xây dựng mới các khu dân cư; xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển thương mại, dịch vụ. Mở rộng và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ; tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp chợ truyền thống. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý... từng bước nâng cao chất lượng thương hiệu hàng hóa, đặc biệt các sản phẩm là thế mạnh của địa phương (*chè Trại Cài, chè Sông Cầu, miến Việt Cường...*) gắn với phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các làng nghề truyền thống. Thu hút các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng để phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống, vùng nguyên liệu rừng.

1.6. Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, ngân hàng và hoạt động tín dụng

Tăng cường kỷ cương tài chính, ngân sách, tổ chức điều hành, quản lý thu ngân sách nhà nước đúng chế độ quy định. Tích cực thực hiện các biện pháp chống thất thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, giảm nợ đọng thuế, đảm bảo thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch.

Điều hành chi ngân sách theo dự toán được giao, thường xuyên rà soát, sắp xếp các nguồn chi bảo đảm thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh trên địa bàn; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thiết thực, hiệu quả.

Phối hợp với các ngân hàng triển khai hoạt động dịch vụ tài chính tín dụng ngân hàng đảm bảo phù hợp; phục vụ mục tiêu giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, Nhân dân tiếp cận vốn tín dụng; tích cực thu hồi xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu phát sinh.

1.7. Thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng

Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn; Tập trung đầu tư hoàn thành dứt điểm các dự án, công trình được phê duyệt và đang triển khai; thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đối với dự án khởi công mới; đẩy mạnh cải cách hành chính; điều hành linh hoạt, hiệu quả kế hoạch đầu tư công. Giải quyết triệt để những khó khăn, vướng mắc đối với các dự án đầu tư, nhất là dự án đầu tư ngoài ngân sách.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo bước đột phá phát triển kinh tế - xã hội của xã, trong đó tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đảm bảo tính kết nối. Tăng cường đầu tư hạ tầng số, hệ thống cấp điện, cấp nước, thủy lợi an toàn, hiện đại đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư đảm bảo đồng bộ.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; tập trung rà soát, lập quy hoạch chung xã Đồng Hỷ đảm bảo

chất lượng, hiệu quả, thống nhất, đồng bộ theo các quy hoạch chuyên ngành cấp trên và quy hoạch tỉnh Thái Nguyên.

Khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân trở thành “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng. Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng sản xuất, đa dạng hóa thị trường, xây dựng thương hiệu. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của xã năng động, hiệu quả, bền vững, tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác, đặc biệt là liên kết với doanh nghiệp; khuyến khích hộ kinh doanh chuyên đổi thành doanh nghiệp.

1.8. Quản lý tốt tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Tiếp tục tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu tới Nhân dân. Quản lý khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững các nguồn tài nguyên. Quản lý và sử dụng có hiệu quả diện tích đất công, đất dôi dư; đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm vi phạm về đất đai, tài nguyên, khoáng sản.

Tập trung kiểm soát các nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thu hút tạo điều kiện cho các mô hình kinh tế xanh; nông nghiệp sinh thái và dự án xử lý rác thải môi trường. Xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện tốt công tác dự báo, cảnh báo thiên tai; đánh giá mức độ rủi ro và xây dựng các phương án ứng phó, giảm thiểu thiệt hại khi rủi ro xảy ra. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, hạn chế tối đa tác động của thiên tai.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Phát triển giáo dục, đào tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục nền nếp, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; gắn kết giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội.

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2; từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 - 5 tuổi theo lộ trình. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới về giáo dục. Giữ vững và nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, nâng cao chất

lượng nhà giáo, cán bộ quản lý đáp ứng theo yêu cầu. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô trường, lớp, học sinh một cách hợp lý, thu gọn lại các điểm trường lẻ.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài; Tăng cường giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa trong giáo dục.

2.2. Thực hiện các chính sách xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

Thực hiện tốt các chính sách xã hội. Triển khai hiệu quả các chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Triển khai đồng bộ các giải pháp về giảm nghèo đa chiều, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; công tác cai nghiện phục hồi và quản lý sau cai.

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề phù hợp với cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề của địa phương; tổ chức các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, góp phần tích cực kết nối cung - cầu lao động. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, từ đó giảm tỷ lệ thất nghiệp, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.

2.3. Phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; hoàn thiện mô hình tổ chức và sắp xếp tinh gọn hệ thống y tế gắn với quy hoạch phát triển chung theo hướng hiện đại; xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân và phát triển tỷ lệ bao phủ thẻ bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, chủ động phòng chống dịch bệnh, nhất là những dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y tế gia đình. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo hiểm y tế.

Thực hiện tốt công tác quản lý về hành nghề y, dược, kinh doanh mỹ phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần.

2.4. Phát triển văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa - thông tin. Phát huy hiệu quả các giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích gắn với phát triển du lịch bền vững. Đầu tư, quản lý và phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thông tin trên địa bàn. Triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Xây dựng và phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng trong cán bộ, công nhân, viên chức, học sinh và các tầng lớp Nhân dân.

Tiếp tục xây dựng và phát triển thể dục thể thao quần chúng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường thể lực, trí lực cho Nhân dân phục vụ lao động, sản xuất, học tập, công tác. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các môn thể thao truyền thống, thể mạnh của địa phương.

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức. Đẩy mạnh quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; phòng chống hiệu quả các hoạt động thâm nhập, phá hoại hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử.

2.5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Tiếp tục thực hiện Chương trình chuyển đổi số đảm bảo đồng bộ, kịp thời. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai hạ tầng mạng, đảm bảo kết nối internet tốc độ cao ổn định tại trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa xóm và các điểm công cộng nhằm bảo đảm điều kiện triển khai chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn; hỗ trợ người dân tiếp cận các nền tảng số một cách thuận tiện.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Cụ thể hoá và thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách để thúc đẩy nhanh quá trình tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; khai thác có hiệu quả cơ hội và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tích cực tham gia, hưởng ứng các hoạt động triển lãm, diễn đàn, sàn giao dịch, chợ công nghệ để tiếp cận, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến do cấp có thẩm quyền triển khai theo quy định. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục.

3. Lĩnh vực nội chính

3.1. Thực hiện tốt công tác nội vụ, dân tộc và tôn giáo

Tổ chức và thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của tỉnh. Tiếp tục thực hiện công tác rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; đảm bảo hoạt động của các tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật; giải quyết kịp thời các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của tổ chức, cá nhân tôn giáo. Tăng cường công tác tuyên truyền cho chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo và Nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo.

3.2. Tăng cường công tác quốc phòng, quân sự địa phương

Tiếp tục thực hiện tốt Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện; kết hợp chặt chẽ giữa củng cố quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Nâng cao chất lượng công tác sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập; công tác động viên, tuyển quân. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức và Nhân dân.

3.3. Bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn

Thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Chủ động triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch; đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc để kích động, chống đối, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống. Tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ; đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm sử dụng công nghệ cao. Tăng cường tuần tra, kiểm soát kiểm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Phát hiện, xử lý kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trong Nhân dân, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế, xã hội.

Triển khai các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; đặc biệt là các loại tội phạm nguy hiểm; giải quyết tốt các vấn đề phức tạp nổi lên về trật tự, an toàn xã hội và tệ nạn xã hội. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông và phòng, chống cháy nổ, xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1498 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Hỷ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm bình quân hàng năm	%	11	Phòng Kinh tế
2	Trồng trọt			
-	Sản lượng lương thực	Tấn	7.890	Phòng Kinh tế
-	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	14.220	
-	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng đến năm 2030	Tấn	9.200	
-	Diện tích trồng rừng	ha	250	
-	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	≥ 10	
3	Chăn nuôi			
-	Tổng đàn gia súc, gia cầm hàng năm			Phòng Kinh tế
	+ Đàn trâu, bò	Con	1.750	
	+ Đàn lợn	Con	32.500	
	+ Đàn gia cầm	Con	1.130.000	
4	Thu ngân sách địa phương			
-	Thu nội địa	Triệu đồng	878.561	Phòng Kinh tế
-	Thu tiền sử dụng đất	Triệu đồng	195.476	Phòng Kinh tế
-	Thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết	Triệu đồng	683.085	Phòng Kinh tế
-	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước (không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu)	%	13,1	Phòng Kinh tế
5	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	4	
-	Tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè	Tỷ đồng	4.939	Phòng Kinh tế
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	80	
-	Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ	%	40	Phòng Văn hóa - Xã hội
-	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn	%	<2,3	Phòng Văn hóa - Xã hội
7	Y tế			
-	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%	< 6,8	Phòng Văn hóa - Xã hội
-	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	100	
8	Giáo dục đào tạo			
-	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
-	Tỷ lệ trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2	%	60	
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030)	%	0,15	Phòng Kinh tế

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
10	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	≥ 96	Phòng Kinh tế
11	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định			
-	Tại nông thôn	%	89,9	Phòng Kinh tế
12	Thu gom chất thải			
-	Chất thải nguy hại	%	100	Phòng Kinh tế
-	Chất thải rắn sinh hoạt	%	95	
13	Xây dựng đạt tiêu chí phường		đạt	
14	Chỉ tiêu văn hóa			
-	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa hàng năm	%	90	Phòng Văn hóa - Xã hội
-	Tỷ lệ xóm đạt danh hiệu xóm văn hóa hàng năm	%	90	
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	92	
15	Chuyển đổi số			
-	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
-	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng	%	100	
-	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%	100	
-	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G	%	100	
16	Chỉ tiêu về quốc phòng			
-	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số của xã	%	≥1,93	Ban chỉ huy quân sự xã
-	Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định	%	25,51%	
17	Chỉ tiêu về an ninh			
-	Tỷ lệ xã, phường trên địa bàn tỉnh không có ma túy	%	100	Công an xã
-	Tỷ lệ giảm tai nạn giao thông trên 3 tiêu chí (Số vụ, số người chết, số người bị thương)	%	5	

Phụ lục II
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC XÓM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường

(Kèm theo Quyết định số 1498 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Hỷ)

STT	Tên xóm	Sản lượng lương thực có hạt đến năm 2030	Sản lượng chè búp tươi đến năm 2030	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng đến năm 2030
		(Tấn)	(Tấn)	(Tấn)
1	Xóm An Thái	-		25,0
2	Xóm Đồng Thái	167,0		30,0
3	Xóm Đồng Thịnh	133,0		25,0
4	Xóm Vải	140,0		35,0
5	Xóm Sơn Quang	146,0		55,0
6	Xóm Tướng Quân	379,0	288,0	172,0
7	Xóm Việt Cường	175,0	500,0	173,0
8	Xóm Văn Hữu	425,0	402,0	625,0
9	Xóm Tam Thái	241,0		25,0
10	Xóm Hưng Thái	66,0		20,0
11	Xóm Tân Thái	174,0		83,0
12	Xóm Ấp Thái	53,0		25,0
13	Xóm Gò Cao	191,0		35,0
14	Xóm Luông	323,0		33,0
15	Xóm Na Long	224,0	679,0	63,0
16	Xóm Trung Thần	347,0	466,0	75,0
17	Xóm La Đàn	169,0	662,4	105,0
18	Xóm La Vương	335,0	747,0	55,0
19	Xóm La Thông	547,0	659,0	155,0
20	Xóm Phúc Thành	170,0	345,0	920,0
21	Xóm Làng Lậm	234,0	345,0	108,0
22	Xóm Bình Minh	741,0	792,3	183,0
23	Xóm Minh Tiến	430,0	428,0	127,0
24	Xóm Bình Ca	349,0	625,5	210,0
25	Xóm Cà Phê	173,0	882,0	1.586,0
26	Xóm Trại Cài	260,0	714,0	257,0
27	Xóm Minh Lý	524,0	855,0	312,0
28	Xóm An Bình	328,0	433,0	189,0

STT	Tên xóm	Sản lượng lương thực có hạt đến năm 2030	Sản lượng chè búp tươi đến năm 2030	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng đến năm 2030
		(Tấn)	(Tấn)	(Tấn)
29	Xóm 1	7,0	307,7	30,0
30	Xóm 2	16,0	907,2	33,0
31	Xóm 3	47,0	626,0	153,0
32	Xóm 4	142,0	1.312,0	1.950,0
33	Xóm 5	127,0	722,4	930,0
34	Xóm 6	107,0	521,0	450,0
Tổng		7.890,0	14.220	9.252,0

Phụ lục III

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC XÓM ĐOẠN 2026 – 2030

Lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường

(Kèm theo Quyết định số 1498 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Hỷ)

STT	Tên xóm	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại nông thôn
		(%)	(%)
1	Xóm An Thái	0,10	98
2	Xóm Đồng Thái	0,25	94
3	Xóm Đồng Thịnh	0,09	98,5
4	Xóm Vải	0,34	98,6
5	Xóm Sơn Quang	0,22	97,6
6	Xóm Tướng Quân	0,31	98,4
7	Xóm Việt Cường	0,24	96
8	Xóm Văn Hữu		96,6
9	Xóm Tam Thái		98,3
10	Xóm Hưng Thái		98,8
11	Xóm Tân Thái		98
12	Xóm Ấp Thái		96,7
13	Xóm Gò Cao		98,7
14	Xóm Luông	0,29	93,5
15	Xóm Na Long		85,3
16	Xóm Trung Thành	0,26	82,2
17	Xóm La Đảnh	0,23	78,7
18	Xóm La Vương	0,43	75,6
19	Xóm La Thông	0,27	72,5
20	Xóm Phúc Thành		91,2
21	Xóm Làng Lậm		87,6
22	Xóm Bình Minh	0,16	81,5
23	Xóm Minh Tiến	0,13	83,7
24	Xóm Bình Ca		85,5
25	Xóm Cà Phê		86,2
26	Xóm Trại Cài		78,1
27	Xóm Minh Lý	0,16	89,6
28	Xóm An Bình	0,12	82,2
29	Xóm 1	0,29	98,8
30	Xóm 2	0,14	97,2
31	Xóm 3	0,40	97,8
32	Xóm 4	0,11	98,3
33	Xóm 5	0,39	97,7
34	Xóm 6	0,53	89,4

Chú ý: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030)

Phụ lục IV

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC XÓM 2026 – 2030

Lĩnh vực: Khoa học Công nghệ - Chuyển đổi số

(Kèm theo Quyết định số 1498 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Hỷ)

STT	Tên xóm	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s (%)	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G (%)
1	Xóm An Thái	100	100
2	Xóm Đồng Thái	100	100
3	Xóm Đồng Thịnh	100	100
4	Xóm Vải	100	100
5	Xóm Sơn Quang	100	100
6	Xóm Tướng Quân	100	100
7	Xóm Việt Cường	100	100
8	Xóm Văn Hữu	100	100
9	Xóm Tam Thái	100	100
10	Xóm Hưng Thái	100	100
11	Xóm Tân Thái	100	100
12	Xóm Ấp Thái	100	100
13	Xóm Gò Cao	100	100
14	Xóm Luông	100	100
15	Xóm Na Long	100	100
16	Xóm Trung Thần	100	100
17	Xóm La Đảnh	100	100
18	Xóm La Vương	100	100
19	Xóm La Thông	100	100
20	Xóm Phúc Thành	100	100
21	Xóm Làng Lậm	100	100
22	Xóm Bình Minh	100	100
23	Xóm Minh Tiên	100	100
24	Xóm Bình Ca	100	100
25	Xóm Cà Phê	100	100
26	Xóm Trại Cài	100	100
27	Xóm Minh Lý	100	100
28	Xóm An Bình	100	100
29	Xóm 1	100	100
30	Xóm 2	100	100
31	Xóm 3	100	100
32	Xóm 4	100	100
33	Xóm 5	100	100
34	Xóm 6	100	100